



CÔNG TY TNHH SX - TM - ĐT NHÔM AN LẬP PHÁT

H19-H20-H20A, Đường số 3 và số 6, KCN Lê Minh Xuân, X. Lê Minh Xuân, H. Bình Chánh, TP.HCM

MS 0313458567



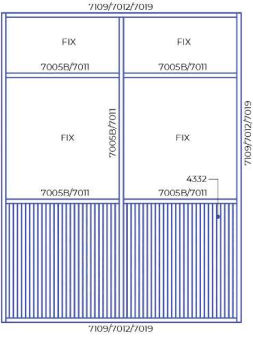





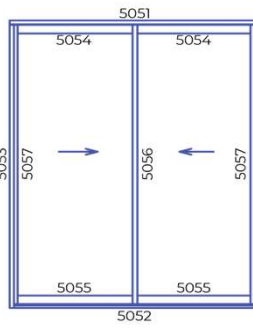
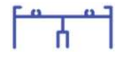






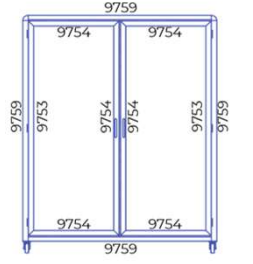



BẢNG GIÁ THANH NHÔM ĐỊNH HÌNH FUJI

Áp dụng từ ngày : 06/04/2023 (Giá đã bao gồm thuế GTGT)

	A	B	D
Màu STĐ	Trắng (TS) - Xám (XT)		Nâu (NN)
Màu VG	Vân gỗ 200 (20) - Vân gỗ 196 (96)	Vân gỗ 198 (98)	
Màu Xi	Trắng Bóng (TB)		

ĐVT: 1000 VNĐ

HÌNH ẢNH SẢN PHẨM	STT	MÃ HÀNG	DIỄN GIẢI	THÔNG SỐ KỸ THUẬT		GIÁ THANH NHÔM		
				Mặt cắt	Kích Thước (mm)	STĐ	VG	TB
LÁ LAMRI (B)								
	1	FJ-4223	Lá phẳng		104.8 x 10	190	225	219
	2	FJ-4332N	Lá hộp		101.5 x 9.4	228	270	
	3	FJ-TPI000	Lá hộp phẳng		107.7 x 10	289	342	333
NHÔM HỘP (B)								
	1	FJ-1020	Hộp 10 x 20		10 x 20	44	52	51
	2	FJ-1220	Hộp 12 x 20		12 x 20	48	57	56
	3	FJ-1225	Hộp 12 x 25		12 x 25	58	69	67
	4	FJ-2525	Hộp 25 x 25		25 x 25	82	97	95
CỬA ĐI 700 (B)								
	1	FJ-7002	Khung đứng		70 x 42	293	346	337
	2	FJ-7051	Trên dưới		74.5 x 25.4	377	445	434
	3	FJ-7052	Đứng trơn		49.8 x 29.7	278	329	320
	4	FJ-7052-4.4	Đứng trơn 4m4		49.8 x 29.7	206	244	237
	5	FJ-7052-4.8	Đứng trơn 4m8		49.8 x 29.7	226	267	260
	6	FJ-7053	Đứng móc		64.2 x 29.7	321	379	370
	7	FJ-7053-4.4	Đứng móc 4m4		64.2 x 29.7	235	278	271
	8	FJ-7053-4.8	Đứng móc 4m8		64.2 x 29.7	257	304	296
	9	FJ-7054	Đố giữa		100 x 25.4	449	530	517

HÌNH ẢNH SẢN PHẨM	STT	MÃ HÀNG	DIỄN GIẢI	THÔNG SỐ KỸ THUẬT		GIÁ THANH NHÔM		
				Mặt cắt	Kích thước (mm)	STĐ	VG	TB
	VÁCH NGĂN HỆ 700 (B)							
	1	FJ-7109	Ngang hở		70 x 32	228	270	263
	2	FJ-7005B	Ngang giữa		70 x 48	300	354	345
	3	FJ-7011	Đứng giữa		76 x 49	293	346	337
	4	FJ-7012	Đứng hộp		76 x 37	293	346	337
	5	FJ-7019	Đứng hở		76 x 37	225	266	259
	CỬA SỔ LÙA 500/700 (B)							
	1	FJ-5051	Máng trên		70 x 31	291	344	335
	2	FJ-5052	Máng dưới		70 x 35	274	324	316
	3	FJ-5053	Khung đứng		72.8 x 22	184	218	212
	4	FJ-5054	Ngang trên		22.5 x 25.4	156	185	180
	5	FJ-5055	Ngang dưới		54 x 22.5	205	242	236
	6	FJ-5056	Đứng móc		28.5 x 34.9	187	221	216
	7	FJ-5057	Đứng trơn		31.7 x 25.4	164	194	189
	NHÔM LÀM TỦ (C)							
	1	FJ-9759	Bo 2 rãnh		27.8 x 27.8	104	123	120
	2	FJ-9753	Cánh trơn		27.6 x 14	81	96	94
	3	FJ-9754	Cánh móc		34 x 14.5	86	102	99